

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH VLVH 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 903/QĐ-TĐHTPHCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển liên thông trung cấp lên đại học
Hình thức Vừa làm vừa học – Đợt 1, năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 3479/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về việc ban hành Quy định về đào tạo liên thông trình độ trung cấp, cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 190/QĐ-TĐHTPHCM ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đào tạo đại học liên thông Hình thức Vừa làm vừa học năm 2022;

Căn cứ Đề án tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng tuyển sinh về việc xác định Điểm chuẩn trúng tuyển liên thông đại học Hình thức Vừa làm vừa học năm 2022;

Xét đề nghị của Ủy viên thư ký Hội đồng tuyển sinh đào tạo đại học liên thông Hình thức Vừa làm vừa học năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận **111 thí sinh** trúng tuyển trình độ liên thông trung cấp lên đại học Hình thức Vừa làm vừa học – Đợt 1, năm 2022, bao gồm các ngành:

1. Quản lý đất đai

30 thí sinh



2. Kỹ thuật trắc địa – Bản đồ	53 thí sinh
3. Kỹ thuật cấp thoát nước	18 thí sinh
4. Công nghệ kỹ thuật môi trường	10 thí sinh
(Danh sách đính kèm theo)	Tổng số: 111 thí sinh

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông (Bà): Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm có liên quan và những thí sinh có tên trong danh sách trúng tuyển tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Công bố trên website Trường;
- Lưu VT, ĐT.



**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH VLVH
CHỦ TỊCH**

**HIỆU TRƯỞNG
Huỳnh Quyền**



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỮA LÀM VỮA HỌC NĂM 2022
HÌNH THỨC LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP LÊN ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

(Kèm theo Quyết định số 903/QĐ-TĐHTPHCM ngày 15/9/2022 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

STT	Số HS	CMND	Họ Tên	Giới tính	Ngày sinh	Đối tượng	Mã ngành	Tên ngành	Điểm xét tuyển (Hệ 10)	Điểm xét tuyển (Hệ 4)	Điểm UT	Điểm TT	Ghi chú
1	87	079092040705	Lê Quốc Bảo	Nam	28/11/1992		7850103	Quản lý đất đai	6.22			6.22	Học bổ sung kiến thức
2	158	038082015321	Lê Ngọc Bình	Nam	02/05/1982		7850103	Quản lý đất đai	Trung bình				Học bổ sung kiến thức
3	152	038091005139	Bùi Sỹ Đạo	Nam	04/09/1991		7850103	Quản lý đất đai	6.10			6.10	
4	56	212684788	Võ Thị Hương	Nữ	30/08/1989		7850103	Quản lý đất đai	8.18			8.18	Học bổ sung kiến thức
5	86	083195000271	Võ Thị Mỹ Duyên	Nữ	29/10/1995		7850103	Quản lý đất đai	6.62			6.62	Học bổ sung kiến thức
6	155	035081015068	Trương Việt Hà	Nam	11/07/1981		7850103	Quản lý đất đai	5.70			5.70	
7	123	044192011631	Nguyễn Thị Hào	Nữ	03/03/1992		7850103	Quản lý đất đai	6.80	2.42		6.80	Học bổ sung kiến thức
8	94	079079005591	Trần Tuấn Khiêm	Nam	14/06/1979		7850103	Quản lý đất đai	6.03			6.03	Học bổ sung kiến thức
9	175	075081016473	Đặng Đức Khôi	Nam	13/06/1981		7850103	Quản lý đất đai	6.40			6.40	
10	96	079098029845	Phạm Hữu Kiệt	Nam	27/09/1998		7850103	Quản lý đất đai	7.10			7.10	Học bổ sung kiến thức
11	116	077196001380	Nguyễn Hồ Phương Linh	Nữ	03/10/1996		7850103	Quản lý đất đai	6.81	2.66		6.81	Học bổ sung kiến thức
12	127	070092009668	Nguyễn Đức Long	Nam	22/06/1992		7850103	Quản lý đất đai	6.73	2.44		6.73	Học bổ sung kiến thức
13	95		Nguyễn Hoàng Long	Nam	12/06/1983		7850103	Quản lý đất đai	6.29			6.29	Học bổ sung kiến thức
14	112	025187014	Trần Hữu Minh	Nam	25/01/1987		7850103	Quản lý đất đai	7.06			7.06	Học bổ sung kiến thức
15	59	135588054	Nghiêm Văn Mùi	Nam	28/10/1993		7850103	Quản lý đất đai	6.10			6.10	Học bổ sung kiến thức
16	BD3	077186004341	Trương Thị Kim Ngân	Nữ	16/08/1986		7850103	Quản lý đất đai	6.60			6.60	Học bổ sung kiến thức
17	55	080093000598	Lê Vũ Trọng Nhân	Nam	15/01/1993		7850103	Quản lý đất đai	7.30			7.30	
18	113	080093000756	Lê Minh Nhựt	Nam	06/06/1993		7850103	Quản lý đất đai	7.48			7.48	Học bổ sung kiến thức
19	BD4	035185001720	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	08/01/1985		7850103	Quản lý đất đai	Trung bình				
20	17	066097019628	Lê Thành Phong	Nam	02/09/1997		7850103	Quản lý đất đai	7.20			7.20	Học bổ sung kiến thức
21	13	079088021400	Nguyễn Đăng Phú	Nam	28/09/1988		7850103	Quản lý đất đai	6.00			6.00	Học bổ sung kiến thức
22	BD5	077080006598	Phạm Văn Quân	Nam	10/11/1980		7850103	Quản lý đất đai	Khá			Khá	Học bổ sung kiến thức
23	137	080190016148	Nguyễn Thị Hương	Nữ	14/12/1990		7850103	Quản lý đất đai	6.43			6.43	Học bổ sung kiến thức
24	89	049083007109	Đặng Mậu Tài	Nam	08/03/1983		7850103	Quản lý đất đai	6.48			6.48	Học bổ sung kiến thức
25	124	0720990119940	Bùi Thành Thái	Nam	15/10/1999		7850103	Quản lý đất đai		2.57		2.57	Học bổ sung kiến thức
26	15	212696995	Huỳnh Quang Thanh	Nam	12/02/1992		7850103	Quản lý đất đai	7.30			7.30	Học bổ sung kiến thức
27	100	079095033742	Phạm Tấn Thành	Nam	19/06/1995		7850103	Quản lý đất đai	6.61	2.67		6.61	Học bổ sung kiến thức

STT	Số HS	CMND	Họ Tên	Giới tính	Ngày sinh	Đối tượng	Mã ngành	Tên ngành	Điểm xét tuyển (Hệ 10)	Điểm xét tuyển (Hệ 4)	Điểm UT	Điểm TT	Ghi chú
28	99	079197013230	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Nữ	29/03/1997		7850103	Quản lý đất đai	6.95	2.86		6.95	Học bổ sung kiến thức
29	88		Trần Thị Bảo Thư	Nữ	19/04/1990		7850103	Quản lý đất đai	8.00			8.00	Học bổ sung kiến thức
30	107	080092016361	Nguyễn Hoàng Tuấn	Nam	04/09/1992		7850103	Quản lý đất đai	7.55			7.55	Học bổ sung kiến thức

Tổng số: 30 thí sinh



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỮA LÀM VỮA HỌC NĂM 2022
HÌNH THỨC LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP LÊN ĐẠI HỌC
NGÀNH KỸ THUẬT TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ

(Kèm theo Quyết định số 903/QĐ-TĐHTPHCM ngày 15/9/2022 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

STT	Số HS	CMND	Họ Tên	Giới tính	Ngày sinh	Đối tượng	Mã ngành	Tên ngành	Điểm xét tuyển (Hệ 10)	Điểm xét tuyển (Hệ 4)	Điểm U.T	Điểm TT	Ghi chú
1	EM1	070084001186	Vũ Trọng	Nam	07/04/1984		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	6.80			6.80	Học bổ sung kiến thức
2	EM5	060092016480	Nguyễn Hải	Nam	30/04/1992		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	6.30			6.30	Học bổ sung kiến thức
3	85	079086014666	Nguyễn Tấn	Nam	26/08/1986		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	Trung bình				
4	102	0720833006169	Nguyễn Thanh	Nam	12/01/1983		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	6.27			6.27	Học bổ sung kiến thức
5	67	142188783	Nguyễn Văn	Nam	16/02/1984		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	Trung bình				
6	18	080095010556	Huỳnh Tấn	Nam	25/10/1995		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	6.77			6.77	Học bổ sung kiến thức
7	79	030090001073	Lê Tiến	Nam	05/06/1990		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	6.50			6.50	
8	09	251160081	Phạm Công Quốc	Nam	05/11/1997		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	7.40			7.40	Học bổ sung kiến thức
9	26	044089001717	Phan Quang	Nam	15/06/1989		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	6.00			6.00	
10	44	044073003041	Mai Thanh	Nam	24/09/1973		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	Trung bình				
11	172	280866298	Nguyễn Xuân	Nam	06/08/1987		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	6.53			6.53	Học bổ sung kiến thức
12	50	036089000339	Trần Văn	Nam	15/02/1989		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	6.64	2.17		6.64	Học bổ sung kiến thức
13	133	080099008808	Nguyễn Quang Anh	Nam	18/05/1999		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	7.26			7.26	Học bổ sung kiến thức
14	144	072085013858	Trương Thanh	Nam	19/02/1985		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	6.50			6.50	
15	28	091090012347	Trương Minh	Nam	29/03/1990		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	6.06			6.06	Học bổ sung kiến thức
16	EM2		Trịnh Quốc	Nam	25/11/1996		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	7.00			7.00	Học bổ sung kiến thức
17	EM4	0440890009968	Võ Việt	Nam	14/10/1989		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	6.20			6.20	
18	109	060096003964	Nguyễn Phạm Đăng	Nam	10/05/1996		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	6.44	2.55		6.44	Học bổ sung kiến thức
19	29	086094002798	Lê Quang	Nam	06/07/1994		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	8.50			8.50	Học bổ sung kiến thức
20	ĐĐ	072088004437	Nguyễn Nhựt	Nam	12/08/1988		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	7.00			7.00	Học bổ sung kiến thức
21	48	215352987	Mai Duy	Nam	09/04/1996		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	5.84	2.03		5.84	Học bổ sung kiến thức
22	149	034073007243	Nguyễn Trung	Nam	05/06/1973		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	Trung bình				
23	81	083187000456	Nguyễn Thị Phương	Nữ	12/12/1987		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	6.59			6.59	Học bổ sung kiến thức
24	51	044088004912	Nguyễn Mạnh	Nam	10/10/1988		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	5.30			5.30	Học bổ sung kiến thức
25	38	311604064	Võ Tấn	Nam	26/01/1980		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	6.14			6.14	Học bổ sung kiến thức
26	14	077092010344	Cao Xuân	Nam	20/06/1992		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	6.40			6.40	Học bổ sung kiến thức
27	80	044092001966	Nguyễn Xuân	Nam	07/05/1992		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	5.80			5.80	
28	105	264276017	Võ Văn	Nam	20/02/1985		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	7.73	3.21		7.73	Học bổ sung kiến thức

STT	Số HS	CMND	Họ Tên	Giới tính	Ngày sinh	Đối tượng	Mã ngành	Tên ngành	Điểm xét tuyển (Hệ 10)	Điểm xét tuyển (Hệ 4)	Điểm UT	Điểm TT	Ghi chú
29	115	301595622	Trương Thị Minh	Nữ	27/04/1997		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	8.01	3.38		8.01	Học bổ sung kiến thức
30	35	025037742	Trần Duy	Nam	16/08/1984		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	6.86			6.86	Học bổ sung kiến thức
31	39	312150079	Văn Thành	Nam	01/10/1992		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	5.70			5.70	Học bổ sung kiến thức
32	36	034078007349	Vũ Văn	Nam	15/04/1978		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	6.30			6.30	
33	163	038097011449	Lương Văn	Nam	06/03/1997		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	7.18			7.18	Học bổ sung kiến thức
34	57	079096019095	Nguyễn Hoài	Nam	06/03/1996		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	7.09	2.80		7.09	Học bổ sung kiến thức
35	114	301558753	Nguyễn Hoài	Nam	07/12/1995		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	7.44			7.44	Học bổ sung kiến thức
36	145	079088008239	Huỳnh Tấn	Nam	03/08/1988		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	TB. Khá			TB. Khá	Học bổ sung kiến thức
37	71	052088012545	Huỳnh Tấn	Nam	01/05/1988		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	6.42			6.42	Học bổ sung kiến thức
38	40	311892614	Đào Nguyễn Duy Thanh	Nam	28/01/1987		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	6.14			6.14	Học bổ sung kiến thức
39	EM3	280946037	Lê Văn	Nam	15/03/1987		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	6.97	2.40		6.97	Học bổ sung kiến thức
40	04	311713598	Huỳnh Quốc	Nam	1983		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	5.90			5.90	
41	52	040080000778	Nguyễn Trung	Nam	05/08/1980		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	Trung bình			Trung bình	
42	32	037072008394	Nguyễn Văn	Nam	06/08/1972		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	6.19			6.19	
43	129	079085012041	Nguyễn Đức	Nam	01/01/1985		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	6.30			6.30	
44	34	040094030621	Nguyễn Văn	Nam	24/08/1994		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	7.20			7.20	Học bổ sung kiến thức
45	37	025163498	Nguyễn Văn	Nam	04/11/1977		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	Khá			Khá	
46	101	079081033494	Nguyễn Hoàng	Nam	14/06/1981		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	Trung bình			Trung bình	Học bổ sung kiến thức
47	166	049087000250	Nguyễn Thanh	Nam	01/05/1987		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	5.20			5.20	
48	30	250473983	Trương Quang	Nam	28/03/1979		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	Khá			Khá	
49	132	051097015738	Võ Văn	Nam	02/11/1997		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	6.64			6.64	Học bổ sung kiến thức
50	74	072087006637	Hoàng Thanh	Nam	03/08/1987		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	6.22			6.22	Học bổ sung kiến thức
51	167	079086009490	Nguyễn Quang	Nam	18/10/1986		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ		3.23		3.23	
52	126	084085015205	Nguyễn Quốc	Nam	28/03/1985		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	8.30	3.51		8.30	Học bổ sung kiến thức
53	EM6	074087000394	Tô Thanh	Nam	28/05/1987		7520503	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	Khá			Khá	Học bổ sung kiến thức

Tổng số: 53 thí sinh

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2022
HÌNH THỨC LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP LÊN ĐẠI HỌC
NGÀNH KỸ THUẬT CẤP THOÁT NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 963/QĐ-ĐHTPHCM ngày 15/9/2022 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

STT	Số HS	CMND	Họ Tên	Giới tính	Ngày sinh	Đối tượng	Mã ngành	Tên ngành	Điểm xét tuyển (Hệ 10)	Điểm xét tuyển (Hệ 4)	Điểm U.T	Điểm TT	Ghi chú
1	136	080086006423	Đặng Hoài Anh	Nam	13/02/1986		7580213	Kỹ thuật Cấp thoát nước	7.40			7.40	Học bổ sung kiến thức
2	126	052099014108	Nguyễn Quốc Cường	Nam	03/06/1999		7580213	Kỹ thuật Cấp thoát nước	6.30	2.48		6.30	Học bổ sung kiến thức
3	128	079094031852	Trần Minh Dương	Nam	25/05/1994		7580213	Kỹ thuật Cấp thoát nước	6.64			6.64	Học bổ sung kiến thức
4	134	079078030065	Phạm Mạnh Huy	Nam	20/02/1978		7580213	Kỹ thuật Cấp thoát nước	Trung bình			Trung bình	Học bổ sung kiến thức
5	77	058090007921	Trần Anh Khoa	Nam	06/05/1990		7580213	Kỹ thuật Cấp thoát nước	7.70			7.70	Học bổ sung kiến thức
6	104	074087008862	Trần Thế Nhân	Nam	20/11/1987		7580213	Kỹ thuật Cấp thoát nước	5.96			5.96	Học bổ sung kiến thức
7	138	072093001354	Phạm Hồng Nhật	Nam	01/01/1993		7580213	Kỹ thuật Cấp thoát nước	5.70			5.70	Học bổ sung kiến thức
8	83	079091036034	Nguyễn Minh Nhựt	Nam	18/11/1991		7580213	Kỹ thuật Cấp thoát nước	6.55	2.75		6.55	Học bổ sung kiến thức
9	72	038084000629	Nguyễn Văn Sơn	Nam	10/10/1984		7580213	Kỹ thuật Cấp thoát nước	6.40			6.40	Học bổ sung kiến thức
10	142	024694936	Vũ Hùng Sơn	Nam	26/05/1992		7580213	Kỹ thuật Cấp thoát nước	7.40			7.40	Học bổ sung kiến thức
11	98	079091017169	Nguyễn Tiến Tài	Nam	20/02/1991		7580213	Kỹ thuật Cấp thoát nước	6.04			6.04	Học bổ sung kiến thức
12	135	089079000390	Lư Thanh Tấn	Nam	13/10/1979		7580213	Kỹ thuật Cấp thoát nước	7.50			7.50	Học bổ sung kiến thức
13	110	079085002944	Nguyễn Tuấn Thanh	Nam	15/12/1985		7580213	Kỹ thuật Cấp thoát nước	7.60			7.60	Học bổ sung kiến thức
14	151	023585042	Nguyễn Văn Toàn	Nam	02/12/1982		7580213	Kỹ thuật Cấp thoát nước	Trung bình			Trung bình	
15	111	077092001995	Bùi Đức Thiện	Nam	07/02/1992		7580213	Kỹ thuật Cấp thoát nước	6.90			6.90	Học bổ sung kiến thức
16	131	079079010090	Phạm Đình Thúc	Nam	26/02/1979		7580213	Kỹ thuật Cấp thoát nước	7.59			7.59	Học bổ sung kiến thức
17	45	079093017679	Nguyễn Minh Tiến	Nam	13/08/1993		7580213	Kỹ thuật Cấp thoát nước	6.60			6.60	Học bổ sung kiến thức
18	24	321328784	Phạm Quốc Vinh	Nam	12/12/1989		7580213	Kỹ thuật Cấp thoát nước	7.30			7.30	Học bổ sung kiến thức

Tổng số: 18 thí sinh

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỮA LÀM VỮA HỌC NĂM 2022
HÌNH THỨC LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP LÊN ĐẠI HỌC
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số 803/QĐ-TĐHTPHCM ngày 15/9/2022 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

STT	Số HS	CMND	Họ Tên	Giới tính	Ngày sinh	Đối tượng	Mã ngành	Tên ngành	Điểm xét tuyển (Hệ 10)	Điểm xét tuyển (Hệ 4)	Điểm U.T	Điểm TT	Ghi chú
1	19	079090011645	Phạm Tuấn Anh	Nam	22/04/1990		7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	6.60			6.60	
2	02	261204981	Tô Đức Cảnh	Nam	12/06/1992		7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7.50			7.50	
3		079098004306	Trần Thanh Hiền	Nam	24/04/1998		7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	6.70			6.70	Học bổ sung kiến thức
4	62	075091008443	Tạ Hoàng Duy Khanh	Nam	04/11/1991		7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	5.97			5.97	Học bổ sung kiến thức
5	138	052084005268	Trần Văn Nhật	Nam	20/10/1984		7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	5.70			5.70	
6	165	225075353	Nguyễn Duy Quang	Nam	22/03/1978		7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	6.62			6.62	Học bổ sung kiến thức
7	07	261335453	Bùi Ngọc Quảng Thiên	Nam	15/10/1994		7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7.00			7.00	
8	ĐĐ	070082000260	Nguyễn Quốc Tiến	Nam	26/10/1982		7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7.48			7.48	Học bổ sung kiến thức
9	64	075089015008	Trần Minh Trung	Nam	27/03/1989		7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	TB.Khá			TB.Khá	Học bổ sung kiến thức
10	66	241773139	Nguyễn Đình Vương	Nam	10/03/1999		7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7.60			7.60	Học bổ sung kiến thức

Tổng số: 10 thí sinh